

NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG BÌNH 30 NĂM ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

PHAN VĂN KHOA

Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình

Sau 30 năm kể từ ngày tái lập tỉnh, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, thách thức của thiên tai, dịch bệnh, thị trường, lạm phát kinh tế... nhưng được sự chỉ đạo quyết liệt Tỉnh ủy và UBND tỉnh; sự phối hợp của các cấp, các ngành và nhất là sự nỗ lực rất lớn của người nông dân nên Ngành Nông nghiệp và PTNT Quảng Bình liên tục giành được những thành tựu to lớn và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Giá trị sản xuất nông lâm ngư nghiệp tăng bình quân 4%/năm; cơ cấu sản xuất nông nghiệp chuyển dịch tích cực, tỷ trọng ngành trồng trọt giảm, các ngành: Chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp tăng; đã bước đầu thực hiện tốt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và bền vững và Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, góp phần tích cực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

Trồng trọt: Giai đoạn đầu mới tái lập tỉnh, trong điều kiện lương thực chưa đáp ứng đủ nhu cầu cho nhân dân, tỉnh đã tập trung phát triển về số lượng, tích cực mở rộng diện tích và tăng năng suất, sản lượng các loại cây trồng. Thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Quảng Bình đã chỉ đạo đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, giao quyền sử dụng đất cho các hộ xã viên, nhờ đó đã phát huy được tinh thần tự chủ, sáng tạo của người dân trong sản xuất. Năng suất và sản lượng các loại cây trồng tăng nhanh, đến năm 2018 sản lượng lương thực đạt



Sản phẩm rau sạch An Nông được đánh giá 2-3 sao OCOP

Ảnh: N.L

trên 31 vạn tấn, vượt chỉ tiêu Nghị quyết tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI, tăng gấp 4 lần so với năm 1990, đáp ứng đủ nhu cầu lương thực cho người dân và một phần xuất khẩu.

Đồng thời với việc đảm bảo an ninh lương thực, tỉnh Quảng Bình còn đa dạng hóa cơ cấu cây trồng, nâng cao thu nhập trên một đơn vị diện tích. Diện tích cây công nghiệp tăng nhanh, từng bước hình thành và phát triển những vùng chuyên tập trung gắn với công nghiệp chế biến. Cây cao su phát triển rất nhanh, từ 1.978ha vào năm 1990 tăng lên 16.375,5ha vào năm 2018. Trong giai đoạn từ năm 2.000-2013 cao su được xem là cây “vàng trắng” đã đưa lại thu nhập rất cao cho người sản xuất. Đã phát triển được trên 6.500ha sản công nghiệp, cơ bản đáp ứng đủ nguyên liệu cho 2 nhà máy chế biến tinh bột hoạt động có

hiệu quả. Hồ tiêu và các loại cây ăn quả cũng được chú trọng phát triển.

Thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, trong những năm gần đây, nông nghiệp đã chuyển mạnh từ số lượng sang phát triển chất lượng và giá trị, trên cơ sở thực hiện tốt việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng và tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Chất lượng các loại giống cây trồng tăng nhanh, từ những năm đầu của thập niên 1990 người dân phải tự để giống và sử dụng giống kém chất lượng để sản xuất, đến nay tỷ lệ sử dụng giống xác nhận, giống chất lượng cao đã lên đến 66%. Cơ cấu giống lúa được chuyển đổi theo hướng giảm dần các giống dài ngày, chất lượng kém để tăng các giống trung và ngắn ngày, chất lượng cao, kết hợp với bố trí lịch thời vụ hợp lý để né tránh những bất lợi của thời tiết. Nhiều giống mới, giống tiến bộ kỹ thuật có chất lượng cao như: giống lúa P6, PC6, HT1, TBR225, QR1; giống ngô: CP989, DK9901, HN88, NK4300; giống sắn: KM94, Layong72... đã được đưa vào sản xuất. Nhiều tiến bộ kỹ thuật, quy trình công nghệ tiên tiến như: Công nghệ tưới tiết kiệm nước của Israel, Quy trình thâm canh lúa cải tiến - SRI, Quy trình phòng trừ dịch hại tổng hợp - IPM... đã được áp dụng vào sản xuất đã nâng cao năng suất, chất lượng nông sản. Đến nay toàn tỉnh đã có 5.375ha lúa áp dụng Quy trình SRI.

Các địa phương chỉ đạo thực hiện tốt việc dồn điền, đổi thửa, tích tụ ruộng đất để đưa cơ giới hóa vào sản xuất. Đồng thời, tích cực kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, tham gia liên kết với người nông dân theo mô hình cánh đồng lớn. Đến năm 2018, diện tích cánh đồng lớn đã đạt 7.250ha (lúa 2.323ha, sắn 4.700ha, ngô 102ha, khoai lang 100ha, lạc 25ha), với khoảng 90% sản phẩm được các doanh nghiệp bao tiêu, lợi nhuận tăng 16-21% so với diện tích không thực hiện cánh đồng lớn. Đã chỉ đạo chuyển đổi trên 8.000ha đất lúa thiếu nước, kém hiệu quả sang cây trồng khác có hiệu quả cao hơn, thu nhập tăng gấp 3-8 lần

trồng lúa.

Nhiều dự án, mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (CNC), nông nghiệp hữu cơ được xây dựng và bước đầu phát huy tốt hiệu quả. Trong đó nổi bật như: Dự án trồng cây dược liệu của Công ty Nông nghiệp CNC Tuệ Lâm; Mô hình trồng hoa, trồng rau, quả hữu cơ của Công ty Phát triển dự án Việt Nam; Dự án Trang trại nông nghiệp CNC của Công ty TNHH Hiếu Hằng; Nông trại trồng rau, quả an toàn của Công ty TNHH Đông Dương...

Chăn nuôi: So với ngày mới tái lập tỉnh, chăn nuôi đã phát triển vượt bậc cả về số lượng, chất lượng và ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Số lượng đàn gia súc, gia cầm tăng nhanh, đến cuối năm 2018 đàn trâu có 38.510 con, tăng 65%; đàn bò 108.200 con, tăng 13%; đàn lợn 335.000 con, tăng 74% và đàn gia cầm 4,07 triệu con, tăng 177% so với năm 1990. Nhờ thực hiện tốt Chương trình cải tạo đàn bò, Chương trình nạc hóa đàn lợn nên chất lượng đàn giống vật nuôi của tỉnh Quảng Bình được nâng cao. Trước năm 1990 số lượng bò lai, lợn thuần ngoại ở tỉnh Quảng Bình không đáng kể thì đến năm 2018 tỷ lệ bò lai chiếm 49%, lợn thuần ngoại chiếm 85% tổng đàn. Một số giống bò lai hướng thịt có năng suất, chất lượng cao như: Droughtmaster, Brahman trắng, BBB... được đưa vào sản xuất. Các giống lợn nổi tiếng trên thế giới về năng suất, chất lượng thịt như: Yorkshire, Landrace, Duroc, Pietrain... đều đã được nuôi rộng rãi ở Quảng Bình. Nhiều giống gà chất lượng cao (Luong Huệ, Ri vàng rom, Jdabaco...) phát triển mạnh và được tiêu thụ khá thuận lợi ở thị trường trong và ngoài tỉnh.

Việc chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, quy trình công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất đồng thời đảm bảo vệ sinh môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu đã được chú trọng thực hiện. Nhiều cơ sở chăn nuôi đầu tư xây dựng chuồng trại kiên cố, khép kín, có thể điều chỉnh được nhiệt độ, ẩm độ thích hợp. Các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học như: sử dụng

đệm lót sinh học trong chăn nuôi, sử dụng hầm biogas để xử lý chất thải, thực hiện các biện pháp vệ sinh thú y... đã nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đồng thời giảm thiểu ô nhiễm môi trường và hạn chế rủi ro do thiên tai, dịch bệnh.

Chăn nuôi đang chuyển dần từ phân tán nhỏ lẻ trong các khu dân cư, gây ô nhiễm môi trường sang chăn nuôi trang trại, tập trung đảm bảo vệ sinh môi trường và quản lý tốt dịch bệnh. Số lượng trang trại chăn nuôi tăng nhanh, năm 1990 chỉ có 47 trang trại đã tăng lên 736 trang trại vào năm 2018, trong đó có 9 trang trại chăn nuôi lợn liên doanh với Tập đoàn Chăn nuôi CP đưa lại hiệu quả cao và ổn định. Hoạt động thu hút đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi bước đầu thu được kết quả tốt. Nhiều dự án chăn nuôi với quy mô lớn được xúc tiến đầu tư vào tỉnh Quảng Bình như: Dự án nuôi bò thịt chất lượng cao của Tập đoàn Hòa Phát, Dự án chăn nuôi bò của Công ty Lê Dũng Linh, Dự án trang trại chăn nuôi bò sinh sản, bò thịt của Doanh nghiệp Gia Hân, Dự án chăn nuôi lợn CNC của Công ty Buntaphan... Trên cơ sở phát triển toàn diện cả về số lượng và chất lượng nên giá trị sản xuất chăn nuôi tăng nhanh. Đến năm 2018, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 79.320 tấn, tăng gấp 2,3 lần so với năm 1990, giá trị chăn nuôi hiện đã chiếm 50,3% trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

Thủy sản: Ngành thủy sản được phát triển toàn diện trên tất cả các mặt từ khai thác, nuôi trồng, quản lý, dịch vụ và đã trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Mặc dù gặp khó khăn do thị trường, hậu quả của bão, lũ, tình hình căng thẳng ở Biển Đông và sự cô lập môi trường biển nhưng nhờ chỉ đạo đầy mạnh tuyên truyền, vận động nên ngư dân yên tâm bám biển. Tỉnh Quảng Bình đã chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ của Trung ương: Thực hiện Quyết định 48 sau 7 năm thực hiện đã giải ngân 1.347 tỷ đồng; đã hoàn thành đóng mới 86/86 tàu theo Nghị định 67... Tốc độ đóng mới, cải hoán tàu cá tăng nhanh, trung bình gần 300 chiếc/năm, đa số có công suất \geq

500 CV và được đầu tư thiết bị, công nghệ tương đối hiện đại. Năm 1990 toàn tỉnh chỉ có 3.100 tàu, tổng công suất 68.584 CV, đến nay đã tăng lên 4.760 tàu, tổng công suất 782.274 CV, trong đó có 1.475 tàu khai thác xa bờ. Sản lượng và giá trị khai thác liên tục tăng nhanh, năm 1990 mới đạt 8.636 tấn thì đến năm 2018 đã lên đến 64.301 tấn.

Nuôi trồng thủy sản từng bước phát triển theo hướng bền vững, đa dạng hóa đối tượng nuôi, đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm; diện tích, năng suất, sản lượng nuôi trồng không ngừng tăng qua các năm. Hạ tầng nuôi trồng thủy sản tiếp tục được đầu tư nâng cấp, nhất là các vùng nuôi tập trung. Các tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ cao được ứng dụng ngày càng nhiều. Năm 1990 toàn tỉnh có 980ha nuôi trồng thủy sản, sản lượng 1.500 tấn đến năm 2018 tăng lên 6.480ha, sản lượng 12.462 tấn.

Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực thủy sản được triển khai có hiệu quả đã góp phần bảo vệ tốt tài nguyên biển. Các hiện tượng sử dụng xung điện, chất nổ, hóa chất cấm trong khai thác thủy sản đã được hạn chế. Khai thác hải sản phát triển theo hướng đầy mạnh đánh bắt xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia; hạn chế khai thác gần bờ tránh làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên. Các hình thức liên kết trong sản xuất như: Tổ hợp tác, Tổ đoàn kết trên biển ngày càng phát huy hiệu quả. Các cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá như: cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão... tiếp tục được đầu tư xây dựng, nâng cấp. Công tác đảm bảo an toàn cho tàu thuyền trên biển được nâng cao. Chế biến thủy sản được đẩy mạnh, chất lượng các sản phẩm thủy sản được nâng cao nên tiêu thụ tốt, góp phần giải quyết đầu ra cho đánh bắt, nuôi trồng và tạo việc làm cho ngư dân.

Lâm nghiệp: Sản xuất lâm nghiệp được phát triển theo hướng chất lượng và giá trị, trên cơ sở quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng. Công tác quản lý bảo vệ, phòng chống cháy rừng được các cấp, các ngành, các đơn vị, địa phương thực hiện có hiệu quả; nhiều

trường hợp vi phạm lâm luật đã được phát hiện và xử lý kịp thời theo quy định; tình trạng khai thác, vận chuyển, mua bán lâm sản, động vật hoang dã trái phép từng bước được hạn chế; số vụ và thiệt hại do cháy rừng hàng năm giảm đáng kể. Công tác giao đất gắn với giao rừng, khoanh nuôi phục hồi, cho thuê rừng được đẩy mạnh. Đến nay đã bàn giao 647.794,6ha rừng và đất lâm nghiệp về cho các đơn vị, địa phương, hộ gia đình quản lý. Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng được thực hiện kịp thời đã góp phần tăng thêm nguồn lực cho công tác bảo vệ và phát triển rừng, khuyến khích người dân gắn bó hơn với rừng.

Việc trồng, khai thác và chế biến gỗ rừng trồng đã được chú trọng thực hiện. Từ nguồn kinh phí của các dự án đã hỗ trợ người dân trồng mới trên 130.000ha rừng, góp phần tăng nhanh diện tích rừng trồng, nhất là rừng kinh tế (hiện rừng trồng chiếm hơn 18% tổng diện tích), diện tích rừng trồng gỗ lớn là 1.458ha. Đến nay tỉnh Quảng Bình cơ bản phủ xanh đất trống, đồi trọc, góp phần giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái và hạn chế tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Toàn tỉnh hiện có 10 nhà máy chế biến gỗ đã góp phần tiêu thụ nhanh gỗ rừng trồng, trong đó có nhiều công ty tham gia liên kết với người dân để trồng rừng gỗ lớn và chế sâu gỗ rừng trồng như: Công ty TNHH Sơn Kim, Công ty OKAL...

Ngành lâm nghiệp đã phát triển khá toàn diện. Tổng diện tích đất lâm nghiệp tăng, đến năm 2018 lên đến 615.530,1ha, trong đó: Rừng đặc dụng 144.310,8ha, rừng phòng hộ 151.888,9ha, rừng sản xuất 319.330,4ha. Độ che phủ rừng tăng từ 61% vào năm 1990 tăng lên 67,3% vào năm 2018, đưa tỉnh Quảng Bình lên thứ 2 toàn quốc sau Bắc Kạn (độ che phủ rừng toàn quốc hiện nay là 42%). Cơ cấu sản phẩm được chuyển từ khai thác rừng tự nhiên sang rừng trồng. Sản lượng gỗ rừng trồng tăng rất nhanh, từ khoảng 15.000m³ năm 1990, tăng lên trên 620.000m³ vào năm 2018, giá trị sản xuất lâm nghiệp liên tục tăng cao.

Thủy lợi và nước sạch nông thôn: Những năm qua do tranh thủ được nhiều nguồn vốn từ

Trung ương và của các chương trình, dự án nên đã đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa nhiều công trình hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất. Đến nay, toàn tỉnh có 150 hồ chứa vừa và nhỏ, 211 đập dâng và 268 trạm bơm; tổng dung tích các hồ chứa khoảng 475 triệu m³. Đa số các công trình phát huy tốt hiệu quả, điển hình có các hồ như: An Mã, Rào Đá, Phú Vinh, Sông Thai, Thác Chuối, Vực Tròn... kết hợp với hệ thống kênh mương được kiên cố đã cơ bản đáp ứng nhu cầu nước cho sản xuất và sinh hoạt. Công tác quản lý nguồn nước chặt chẽ, áp dụng các biện pháp tưới tiêu khoa học, đồng thời với việc nạo vét bồi đắp kênh mương, bờ vùng bờ thửa chống thất thoát nước đã đảm bảo cho nông dân gieo cấy hết diện tích, đúng thời vụ. Diện tích tưới tiêu ngày càng tăng, tỷ lệ tưới tiêu chủ động từ 65% năm 1990 tăng lên 97% năm 2018.

Để hạn chế tác động tiêu cực của bão lụt, tỉnh Quảng Bình đã tích cực xây dựng hệ thống đê, kè bảo vệ bờ sông, bờ biển. Hiện toàn tỉnh đã có hơn 250km đê, kè góp phần bảo vệ an toàn cho hơn 2.800 hộ dân, trong đó có nhiều tuyến phát huy rất tốt hiệu quả như: Kè sông Gianh ở Quảng Phúc, kè sông Kiến Giang, kè biển Nhật Lệ, kè biển Hải Trạch... Đã thực hiện hiện tốt quy trình vận hành cho các hồ chứa quan trọng; tăng cường kiểm tra an toàn hồ đập, theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, mực nước hồ, đập để có phương án chỉ đạo chống hạn, điều tiết lũ đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão. Mặc dù trong những năm qua tỉnh Quảng Bình chịu ảnh hưởng của nhiều đợt bão, lũ lớn nhưng đã không để xảy ra sự cố mất an toàn hồ đập, gây thiệt hại về tính mạng và tài sản của nhân dân.

Mặc dù nguồn vốn còn hạn chế nhưng việc triển khai xây dựng các công trình và hoạt động cấp nước sạch nông thôn có những tiến bộ vượt bậc. Nhiều công trình cấp nước đã được đầu tư xây dựng mới; các công trình cũ đã xuống cấp được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp; mạng lưới cấp nước ngày càng mở rộng; số hộ dân được sử dụng nước sạch ngày càng tăng, đến nay đã có 90,5% cư dân nông thôn được sử

dụng nước hợp vệ sinh.

Kinh tế hợp tác, trang trại và cơ giới hóa nông nghiệp: Trước năm 1990 tỉnh Quảng Bình có khá nhiều hợp tác xã (HTX) sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, do hoạt động theo cơ chế cũ nên hiệu quả không cao, một số HTX phải tự giải thể hoặc chuyển đổi. Trên cơ sở thực hiện tốt Luật HTX nên trong những năm gần đây, HTX nông nghiệp ở tỉnh Quảng Bình đã khôi phục về số lượng, phát triển về chất lượng. Đến năm 2018, toàn tỉnh có 181 HTX nông, lâm, ngư nghiệp (chiếm 46,8% số HTX toàn tỉnh), với 68.086 thành viên, tổng số vốn hoạt động 344 tỷ đồng, doanh thu 105 tỷ đồng, lãi 7.392 triệu đồng/năm. Các HTX phát triển theo hướng đa dạng hơn về ngành nghề, khâu dịch vụ, kết quả sản xuất kinh doanh, dịch vụ tăng cao, thu nhập và đời sống xã viên ngày càng cải thiện.

Kinh tế trang trại phát triển mạnh, đến nay toàn tỉnh có 730 trang trại (tăng 683 trang trại so với 1990), với tổng diện tích 3.783ha và 2.212 lao động. Trong đó có 71,5% đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 40,4% được cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại. Nhìn chung đa số các trang trại hoạt động có hiệu quả, góp phần ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành, khai thác tiềm năng thế mạnh vùng gò đồi, cát ven biển, giải quyết việc làm, tăng sản lượng hàng hoá.

Cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp ngày càng phát triển, tỷ trọng cơ giới hóa tăng nhanh đã góp phần giảm chi phí sản xuất và tổn thất sau thu hoạch. Đến nay toàn tỉnh có 24.565 máy sử dụng trong nông nghiệp. Đối với sản xuất lúa gạo, tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất đạt 89,3%, khâu thu hoạch đạt 82,5%; cơ giới hóa trong chăn nuôi được áp dụng trên một số khâu và chủ yếu tập trung ở các doanh nghiệp, trang trại; cơ giới hóa lĩnh vực thủy sản chủ yếu ở



Thu hoạch lúa bằng cơ giới hóa ở huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

Ảnh: N.L

khâu thu hoạch và bảo quản, trong đó khâu thu hoạch 50%, khâu bảo quản 85%.

Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới: Mặc dù ngân sách Trung ương hỗ trợ còn hạn chế nhưng UBND tỉnh cùng với các địa phương đã chủ động nguồn lực từ ngân sách địa phương; lồng ghép các chương trình, dự án, từ các nguồn vốn tín dụng và đặc biệt là huy động được sự tham gia đóng góp tự nguyện của người dân nên Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đạt được kết quả tốt. Đến nay toàn tỉnh có 2.027 tiêu chí đạt chuẩn, bình quân 15,2 tiêu chí/xã, có 62 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 45,6% số xã trong toàn tỉnh. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã được nhận thức đầy đủ hơn từ các cấp ủy, chính quyền đến người dân; xây dựng nông thôn mới đã thực sự trở thành phong trào có sức lan tỏa rộng khắp trong toàn tỉnh.

Công tác xây dựng bộ máy, quản lý nhà nước: Ngày mới tái lập tỉnh, Quảng Bình có các Sở, ngành riêng là: Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy lợi và Thủy sản. Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước các sở ngành trên đã hợp nhất thành Sở Nông nghiệp và PTNT, từ đó tạo nên sự đồng bộ, thông nhất

trong công tác chỉ đạo, điều hành. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được nâng cao về năng lực chuyên môn, phẩm chất chính trị và tinh thần phục vụ. Thực hiện Nghị quyết số 18 và số 19 của Ban Chấp hành Trung ương, công tác tổ chức bộ máy tiếp tục được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả hơn. Đã sắp xếp lại một số đơn vị trực thuộc và các phòng ở các chi cục để giảm các đầu mối; phối hợp với các địa phương để thành lập các trung tâm dịch vụ nông nghiệp nâng cao hiệu quả phục vụ nhân dân.

Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực nông nghiệp được thực hiện có hiệu quả, nhất là việc quản lý chất lượng giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi và các loại vật tư phụ vụ sản xuất nông nghiệp, hạn chế thiệt hại cho người nông dân. Hoạt động thanh tra, kiểm tra chất lượng về an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ nông thủy sản thực phẩm được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả. Chất lượng các sản phẩm nông lâm thủy sản sản xuất trên địa bàn được kiểm soát khá tốt, góp phần đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được là rất lớn và có ý nghĩa thiết thực, sản xuất nông nghiệp tỉnh Quảng Bình vẫn còn một số tồn tại, hạn chế và chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế hiện có. Quy mô sản xuất nông nghiệp vẫn còn manh mún và nhỏ lẻ; việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, quy trình công nghệ mới vẫn còn hạn chế nên năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất chưa cao. Việc phát triển sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị còn chậm; liên kết giữa doanh nghiệp và người dân chưa chặt chẽ. Chăn nuôi tập trung, trang trại tuy đã hình thành và phát triển nhưng tốc độ còn chậm; dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm vẫn còn xảy ra ở một số nơi. Các hành vi vi phạm về bảo vệ nguồn lợi thủy sản như: khai thác sai tuyến, sử dụng xung điện, chất nổ, chất cấm... vẫn còn ở một số nơi. Việc chuyển đổi nghề cho ngư dân vùng bãi ngang, cồn bãi

gặp nhiều khó khăn; nuôi trồng thủy sản chưa bền vững, hiệu quả không ổn định. Năng suất, chất lượng gỗ rừng trồng còn thấp do chủ yếu khai thác gỗ nhỏ, gỗ non làm dăm gỗ; công nghiệp chế biến gỗ, nhất là chế biến sâu gỗ rừng trồng còn ít nên hiệu quả sản xuất lâm nghiệp còn thấp. Công tác quản lý và sử dụng các công trình thủy lợi ở cấp cơ sở vẫn còn nhiều bất cập, chưa phát huy hết công suất và năng lực tưới. Công nghệ sau thu hoạch, bảo quản, chế biến nông lâm sản vẫn còn hạn chế nên chất lượng nông, lâm, thủy sản không cao và chưa đáp ứng thị trường, đặc biệt thị trường xuất khẩu.

Trước thực trạng trên, để phát huy hơn nữa những ưu điểm; khắc phục những tồn tại, hạn chế tiếp tục đưa Ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình phát triển nhanh và bền vững cần có sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của các cấp, các ngành trong tỉnh, cùng phối hợp thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, tiếp tục thực hiện tốt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện, hiện đại trên cơ sở tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, quy trình công nghệ mới vào sản xuất; tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất với nông dân theo chuỗi giá trị và xây dựng cánh đồng lớn; thực hiện tốt Chương trình mỗi địa phương một sản phẩm (OCOP) nhằm phát huy lợi thế của từng vùng, miền; chuyên ngành nông nghiệp chủ yếu về số lượng sang phát triển về chất lượng và giá trị, tăng khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hóa; đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và xuất khẩu, góp phần nâng thu nhập và đời sống của nông dân.

Thứ hai, đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích; chuyển diện tích trồng lúa kém hiệu quả

sang sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi có hiệu quả cao hơn; phát triển ngành trồng trọt theo hướng hình thành các vùng chuyên canh tập trung sản xuất hàng hoá gắn với phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ theo chuỗi giá trị; thực hiện tốt công tác quản lý để nâng cao chất lượng giống cây trồng, đồng thời đẩy mạnh việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật, quy trình canh tác mới như: Công nghệ tưới tiết kiệm nước của Israel, Quy trình thâm canh lúa cải tiến - SRI... nhằm tăng năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh cho nông sản và đảm bảo an ninh năng lượng.

Thứ ba, tiếp tục chuyên chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung, trang trại, gia trại theo hướng công nghiệp; chuyển dần chăn nuôi từ vùng có mật độ dân cư cao đến nơi có mật độ dân cư thấp, hình thành các vùng chăn nuôi xa khu dân cư; tiếp tục nâng cao chất lượng đàn giống vật nuôi, kết hợp với cải tiến phương thức chăn nuôi, áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng mối liên kết giữa các khâu trong sản xuất theo chuỗi giá trị từ cung cấp con giống, thức ăn, tổ chức chăn nuôi đến giết mổ, chế biến để nâng cao chất lượng, giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất.

Thứ tư, phát triển ngành thủy sản toàn diện trên tất cả các mặt từ khai thác, nuôi trồng, quản lý và dịch vụ hậu cần nghề cá. Khuyến khích đánh bắt xa bờ, kiểm soát đánh bắt ven bờ, ngăn chặn các phương thức khai thác có tính chất hủy diệt; hỗ trợ ngư dân chuyển đổi nghề để có thu nhập và cuộc sống ổn định hơn; nâng cao năng suất, hiệu quả nuôi trồng thủy sản trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, quản lý chặt chẽ giống, phòng chống dịch bệnh; đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng thủy sản, nhất là cơ sở hạ tầng dịch vụ hậu cần nghề cá, hạ tầng vùng nuôi; làm tốt việc xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu thủy sản.

Thứ năm, đẩy mạnh sản xuất lâm nghiệp trên cơ sở quản lý và sử dụng có hiệu quả tài

nguyên rừng. Tổ chức lại sản xuất lâm nghiệp theo hướng hiện đại, gắn với sắp xếp, đổi mới các nông lâm trường; có cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các thành phần kinh tế tham gia bảo vệ, phát triển rừng; hạn chế tình trạng khai thác gỗ nhỏ, gỗ non để chế biến gỗ dăm; khuyến khích và hỗ trợ trồng việc rừng thâm canh, trồng rừng gỗ lớn kết hợp với chế biến sâu gỗ rừng trồng nhằm nâng cao giá trị sản xuất lâm nghiệp.

Thứ sáu, từng bước đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các công trình thủy lợi, đê điều, đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, cấp nước sinh hoạt và giảm nhẹ thiên tai; quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nước, áp dụng các biện pháp tưới tiêu khoa học để đáp ứng đủ nhu cầu cho sản xuất; xây dựng và thực hiện tốt quy trình vận hành các hồ chứa để đảm bảo an toàn hồ đập và tránh gây thiệt hại cho nhân dân.

Thứ bảy, tiếp tục thực hiện tốt việc kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động; thực hiện tốt việc ký cam kết và thực hiện cam kết của người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu; xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức có trình độ chuyên môn cao, đạo đức tốt, hết lòng phục vụ nhân dân; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn.

Tin tưởng rằng, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các địa phương; sự hưởng ứng tích cực của nhân dân; phát huy tốt nội lực và các tiềm năng, lợi thế; khắc phục được những khó khăn, hạn chế thì Ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Bình sẽ tiếp tục phát triển nhanh và bền vững, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết số 26 của Ban Chấp hành Trung ương khoá X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống cho nhân dân ■